

01
ỦY BAN NHÂN DÂN
Tỉnh Thái Nguyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----B.15

Số: 1168 /2000/QĐ-UB

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 5 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
V/v Giao kế hoạch đầu tư và xây dựng (đợt II)
tỉnh Thái Nguyên năm 2000.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ luật tổ chức HĐND & UBND.
- Căn cứ Quyết định số 123/ 1999/ QĐ-BKH ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Bộ Kế hoạch và đầu tư V/v Giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2000
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá X kì họp thứ II.
- Căn cứ chỉ tiêu vốn các chương trình mục tiêu năm 2000 tỉnh Thái Nguyên đã giao tại quyết định số 1080/2000/QĐ-UB ngày 21 tháng 4 năm 2000 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
- Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và đầu tư tại công văn số 234/CV-KH ngày 28 tháng 4 năm 2000 V/v Đề nghị giao chỉ tiêu kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: - Nay Giao Kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2000 tỉnh Thái Nguyên (đợt II) cho Ủy ban nhân dân các Huyện, Thành phố, Thị xã, các Sở, Ban, Ngành và các đơn vị Chủ đầu tư thuộc tỉnh Thái Nguyên, theo các biểu chi tiết kèm theo quyết định này.

Điều 2: Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các Huyện, Thành phố Thái Nguyên, Thị xã Sông Công, Thủ trưởng các đơn vị chủ đầu tư thực hiện theo mục tiêu, phương hướng của kế hoạch Kinh tế - xã hội năm 2000 và qui chế quản lý đầu tư và xây dựng

Điều 3 : - Các ông , bà : Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các Huyện, Thành phố Thái Nguyên, Thị xã Sông Công. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành và các đơn vị Chủ Đầu tư có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Bộ Kế hoạch & đầu tư (B/c)
 - Bộ Tài chính (B/c)
 - TT Tỉnh uỷ (B/c)
 - TT. HĐND tỉnh (B/c)
 - Các đ/c CT, PCT
 - Như điều 3
 - Các bộ phận nghiên cứu
 - Lưu VP-XDCB
- B.09

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN





KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2000

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương

(Theo quyết định số: 1168/2000/QĐ-UB ngày 15/5/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị: Triệu đồng

CÁC DỰ ÁN	T/gian K/công H/thành	Kế hoạch	Chủ đầu tư
1	2	3	4
Tổng số		1.030	
I. Thiết kế quy hoạch		600	
1/ QHKT-XH tỉnh TN đến năm 2010	97-98	100	Sở KH&ĐT
2/ QHKT-XH TPTN đến 2010	97-99	45	UBND TPTN
3/ QH nước sạch VSMT tỉnh TN đến 2010	97-98	25	Sở KH&ĐT
4/ QH quản lý khoáng sản tỉnh TN	98-99	10	Sở Công nghiệp
5/ QH lưới điện tỉnh Thái Nguyên đến 2010	99-2000	80	Sở Công nghiệp
6/ QHKT-XH TX Sông công đến 2010	98-2000	15	UBND Tx Sông công
7/ QHKT-XH huyện Đại từ đến 2010	98-2000	25	UBND Đại từ
8/ QHKT-XH huyện Định hoá đến 2010	99-2000	45	UBND Định hoá
9/ QHKT-XH huyện Phú lương đến 2010	2000	75	UBND Phú lương
10/ QH giao thông huyện Định hoá, Đồng hỷ, Đại từ đến 2010.	2000	50	Sở GTVT
11/ QHXD hạ tầng 11 xã khó khăn Võ Nhai	99	60	UBND Võ nhai
12/ QHXD hạ tầng 5 xã khó khăn Định hoá	2000	50	UBND Định hoá
13/ QHXD hạ tầng 2 xã khó khăn Đồng hỷ	2000	20	UBND Đồng hỷ
II. Chuẩn bị đầu tư		300	
1/ DA cầu Bến Đầm Phố yên	2000	50	Sở GTVT
2/ DA cầu Nà Chén và Pại trận Định hoá	2000	30	Sở GTVT
3/ DA đường Quang Trung TPTN	99	23	UBND TPTN
4/ DA đường vào Đài truyền hình tỉnh	99	20	UBND TPTN
5/ DA đường vào Đài phát thanh tỉnh	99	15	UBND TPTN
6/ DA đường kho bạc-chỉ nhánh điện TN.	99	17	UBND TPTN

1	2	3	4
7/ DA đường CM tháng 10 Sông công	99	20	UBND TX Sông công
8/ DA đường Đội cần-Gốc gạo TPTN	2000	20	Sở GTVT
9/ DA nhà quản lý và lưới điện đảo Long hội	2000	15	Sở LĐTBXH
10/ DA trụ sở Sở LĐTB và XH	2000	30	Sở LĐTBXH
11/ DA trụ sở Sở Văn hoá thông tin	2000	30	Sở VH TT
12/ DA cải tạo nhà làm việc Sở TCVG	2000	15	Sở TCVG
13/ DA thoát nước T. trấn Chợ chu Định hoá	2000	10	UBND Định hoá
14/ DA nhà làm việc Đài PTTH Võ Nhai	2000	5	UBND Võ Nhai
III. Chuẩn bị xây dựng.		130	
1/ Nhà điều dưỡng người có công tỉnh TN.	2000	50	Sở LĐTB-XH
2/ Hệ thống điện xã Phúc thuận Phố yên	2000	50	UBND Phố yên
3/ Hệ thống điện HTX Tân hương TPTN	2000	30	Sở Công nghiệp



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2000

Nguồn vốn: Ngân sách địa phương

(Theo quyết định số 168/2000/QĐ-UB ngày 08/5/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị: Triệu đồng

DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Thời gian K/công H/thành	Năng lực thiết kế	Kế hoạch đầu tư năm 2000			CHỦ ĐẦU TƯ
			Tổng số	Trong đó		
				XL	TB	
1	2	3	4	5	6	7
<u>Tổng số</u>			<u>250</u>	<u>230</u>		
T.T hỗ trợ DN tỉnh Thái Nguyên	2000	220m ²	250	230	-	T.T dịch vụ việc làm thanh niên tỉnh đoàn TN



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2000

NGUỒN VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo quyết định số 1168 /2000/QĐ - UB ngày 29 tháng 05 năm 2000
của UBND tỉnh Thái nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

SS TT	Danh mục công trình	Kế hoạch năm 2000	Ghi chú
1	2	3	4
	<u>Tổng số</u>	<u>9 589</u>	
	<u>Thành phố Thái nguyên</u>	<u>8 010</u>	Trong đó năm 1999 chuyển sang: 4.510 trđ
I	<u>Trả nợ khối lượng năm 1999</u>	<u>376</u>	
1	XD nhà trẻ Bệnh viện đa khoa TN	138	
2	XD nhà vệ sinh UBND phường Quang Trung	4,5	
3	XD trung tâm xúc tiến việc làm	14,5	
4	Thoát nước khu dân cư Minh Cầu	12	
5	Kênh mương thủy lợi xã Phúc Trìu	60	
6	Đường ngầm giao thông xã Phúc Trìu	35	
7	Lát vỉa hè nội thị Thành phố	4	
8	Sân, hàng rào, nhà vệ sinh P. Cam Giá	47	
9	Sân, hàng rào, nhà vệ sinh xã Phúc Hà	40	
10	Nhà vệ sinh phòng văn hoá Thành phố	21	
II	<u>Công trình chuyển tiếp</u>	<u>2 650</u>	
1	XD bể bơi nhà Thiếu nhi Thành phố	1 500	
2	San gạt, đèn bù Nghĩa trang khu nam	70	
3	Xây dựng, đèn bù vườn hoa Sông Cầu	525	
4	XD đường khu dân cư nam Đại học Sư Phạm	500	
5	Dự án, thiết kế đường khu nhà văn hoá thiếu nhi	10	
6	Dự án XD trung tâm y tế	10	
7	Dự án XD quy hoạch TT giáo dục	10	
8	XD nhà hội trường khối dân	25	
III	<u>Công trình xây dựng mới</u>	<u>4 437</u>	

βh

1	2	3	4
1	Lát vỉa hè nội thị Thành phố	100	
2	Dự án, thiết kế, đền bù đài truyền thanh TP	200	
3	Đền bù và xây dựng hạ tầng	1 500	
	+ Đền bù đất quy hoạch khu dân cư	800	
	+ XD hạ tầng khu dân cư	700	
4	Dự án, TK, XD trụ sở UBND xã Phúc Trìu	400	
5	Dự án, TK, XD trụ sở UBND xã Thịnh Đức	250	
6	Dự án, TK, XD trụ sở UBND xã Tân Thịnh	250	
7	Dự án, TK, XD nhà làm việc Cty Quản lý	40	
	Đồ thị		
8	Dự án quy hoạch khu TTCN tập trung	27	
9	Mua cống giao thông cấp cho phường xã	120	
10	Dự án, TK, XD trụ sở UBND xã Thịnh Đán	250	
11	Vốn còn lại sẽ giao cụ thể sau	1 300	
IV	<u>Sự nghiệp đất</u>		
	<u>Chuyển tiếp</u>	<u>574</u>	
1	Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất	123	
2	Quy hoạch chi tiết đường Đán	164	
3	Quy hoạch chi tiết khu Quán Triều	60	
	<u>Công trình mới</u>		
1	Quy hoạch cấp đất dân cư và thiết kế dự toán hạ tầng khu dân cư	200	
	<u>Thị xã Sông Công</u>	<u>146</u>	
1	Đền bù giải phóng mặt bằng	70	
2	Trả nợ trạm biến áp Mỏ chè	27	
3	Trả nợ trạm biến áp Cải Đan	10	
4	Hoàn thiện, bố vỉa rãnh thoát nước đường CM T8	39	
	<u>Huyện Phú bình</u>	<u>75</u>	Bố trí công trình sau
	<u>Huyện Phổ Yên</u>	<u>247</u>	T.đó có 100 trđ năm 1999

ph 05

1	2	3	4
			chuyển sang
1	Đường thị trấn Ba Hàng - Ga	47	
2	Hội trường UBND xã Nam Tiến	35	
3	Hội trường UBND xã Tân Phú	50	
4	Hội trường UBND xã Tân Hương	50	
5	Hội trường UBND xã Thành Công	35	
6	Chợ thị trấn Bắc Sơn	30	
	<u>Huyện Đình Hoá:</u>	<u>135</u>	T.đó có 85,0 trđ năm 1999
			chuyển sang
1	Trả nợ đường Dốc Châu - Đài liệt sĩ	135	
	<u>Huyện Phú Lương</u>	<u>140</u>	
1	XD trụ sở UBND xã Phấn Mễ	70	
2	XD trụ sở UBND xã Tức tranh	70	
	<u>Huyện Võ Nhai</u>	<u>170</u>	T.đó có 65,0 trđ năm 1999
			chuyển sang
1	Trả nợ đền bù quy hoạch khu dân cư	50	
2	Chợ Đình cá	120	
	<u>Huyện Đại Từ</u>	<u>290</u>	T.đó có 150 trđ năm 1999
			chuyển sang
1	XD trụ sở UBND xã Ký Phú	100	
2	XD trụ sở UBND xã Tân Thái	100	
3	XD trụ sở UBND xã Hoàng nông	90	
	<u>Huyện Đồng Hỷ</u>	<u>376</u>	T.đó có 270 trđ năm 1999
			chuyển sang
1	Nâng cấp đường 1B - đường 359 nội thị	50	
2	Trả nợ QH khu VH - T.T thị trấn chùa Hang	32	
3	CBĐT cầu cáp xã Cao Ngạn	20	
4	TKKT XD nghĩa trang xã Linh Sơn	17	
5	Thoát nước khu vực 2 - 3 T.T chùa Hang	25	
6	Hỗ trợ trường học cao tầng xã Hoá thượng, Đồng bầm, Chiến thắng	32	
7	Nhà bảo vệ sức khoẻ bệnh viện huyện	200	



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2000

NGUỒN VỐN: SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT KINH TẾ

(Kèm theo quyết định số 1168 /2000/QĐ - UB ngày 29 tháng 05 năm 2000
của UBND tỉnh Thái nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

SS TT	Danh mục công trình	Kế hoạch năm 2000	Ghi chú
	2	3	4
	Tổng số	4 795	
	<u>Thành phố Thái nguyên</u>	<u>1 512</u>	
I	<u>Công trình chuyển tiếp</u>	<u>396</u>	
1	Sửa chữa nhà làm việc đội thanh tra XD	10	
2	Sửa chữa nhà bảo vệ sức khỏe y tế	12	
3	XD sân Beton nhà văn hoá Tp	7	
4	Kênh hồ cây Sy xã Phúc Xuân	30	
5	S/c nhà làm việc hạt kiểm lâm	55	
6	San gạt khu nhà thi đấu thiếu nhi Thành phố	30	
7	Dự án quy hoạch chợ Dốc hanh	10	
8	Cải tạo hội trường Thành Ủy	4	
9	Đường vào Trường Trung học Kinh tế	55	
10	Đường vào Trường Cao Đẳng Sư phạm	22	
11	Đường vào Trường Đại học Công nghiệp	51	
12	Đường vào Trường Trung học Y tế	30	
II	<u>Công trình xây dựng mới</u>	<u>1 116</u>	
1	Hỗ trợ chuẩn bị đầu tư thủy lợi	200	
2	Đường tổ 5 phường Phan Đình Phùng	85	
3	Đường Đại học Sư Phạm - Đê mỗ bạch	226	
4	S/c nhà làm việc phòng Thương nghiệp	50	
5	S/c nhà công chứng Thành phố	30	
6	S/c nhà trụ sở Thành ủy	50	
7	Lắp đặt, di chuyển điện sáng Thành phố	300	
8	S/c nhà gara xe phòng địa chính	15	
9	XD nhà trạm y tế phường Quang Vinh	50	

2006

1	2	3	4
10	Sân, nhà xe khối dân	30	
11	S/c nhà làm việc UBND Thành phố	30	
12	San nền, điện sáng nhà thiếu nhi Thành phố	50	
	<u>Thị xã Sông Công</u>	<u>462</u>	
1	Rãnh thoát nước đường CM T8	62	
2	Nhà khách văn phòng Thị uỷ	100	
3	Hàng rào Sân vận động Thị xã	50	
4	Bể bơi khu vui chơi thiếu nhi Thị xã	100	
5	Thuy lợi nhỏ	20	
6	Chuẩn bị đầu tư	30	
7	Sửa chữa, kiến thiết thị chính	100	
	<u>Huyện Phú Bình</u>	<u>430</u>	
1	Duy tu, sửa chữa đường Bảo lý - Tân khánh	40	
2	Hạ dốc làng Dân tuyến Úc Sơn - Tân thành	30	
3	Trả nợ máy bơm trạm cầu Bo + Đồng cào xã	17	
	Đồng liên		
4	Trả nợ máy bơm dầu xã Bảo lý	10	
5	Trả nợ máy bơm điện xã Úc kỳ	10	
6	Đập quyết tiến xã Tân kim	10	
7	Hồ rừng Giặc xã Tân thành	10	
8	Hồ núi Thông xã bảo lý	15	
9	Dự phòng cho S/c nhỏ thuy lợi	11	
10	Hỗ trợ xây dựng trụ sở xã Tân Đức	70	
11	Hỗ trợ xây dựng trụ sở xã Kha Sơn	60	
12	Hỗ trợ xây dựng trụ sở T.T Úc Sơn	70	
13	S/c các công trình khác	37	
14	Dự phòng bảo lụt	10	
15	Chuẩn bị đầu tư	30	
	<u>Huyện Phổ Yên</u>	<u>250</u>	
1	Cầu Máng xã Đắc Sơn	33	
2	Sửa chữa phòng ban cơ quan huyện	70	
3	Hội trường UBND huyện	147	

Be

1	2	3	4
	Huyện Đình Hoá	465	
1	Đường trần suốt Ngủ - Bảo cường	100	
2	Trà nợ nâng cấp phòng họp UBND huyện	100	
3	Trà nợ xây tường rào UBND huyện	84	
4	Cống thoát nước ngã 4 UBND huyện	33	
5	Trụ sở UBND xã Bình yên	50	
6	Trụ sở UBND xã Tân dương	58	
7	Chuẩn bị đầu tư các dự án	40	
	Huyện Phú Lương	445	
1	Sửa chữa giao thông nông thôn	120	
2	Đường vào huyện đội	80	
3	XD hàng rào công an huyện	40	
4	Đền bù khu lương thực	80	
5	Hỗ trợ san nền chợ Yên lạc	20	
6	Hỗ trợ mái lợp cho lớp học	60	
7	Hỗ trợ sửa chữa chợ Thị trấn	20	
8	Chuẩn bị đầu tư	25	
	Huyện Đồng Hỷ	357	
1	Trụ sở UBND xã Quang Sơn	50	
2	Trụ sở UBND Thị trấn chùa Hang	30	
3	Sự nghiệp thủy lợi	100	
4	Sự nghiệp giao thông nông thôn (S/c nhỏ)	100	
5	Hỗ trợ ngôi nhà trường học	60	
6	Dự phòng chống bão lụt và sửa chữa nhỏ	17	
	Huyện Đại Từ	412	
1	Sự nghiệp giao thông nông thôn	60	
2	Sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ	70	
3	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	282	
	Huyện Võ Nhai	462	
1	Trà nợ và đảm bảo giao thông	257	
2	Đền bù mặt bằng trợ và bãi rác	60	
3	Trà nợ TKQH khu cơ quan huyện	9	
4	Kiến thiết thị chính	136	



Kèm theo quyết định số 1168/2000/QĐ - UB ngày 09 tháng 05 năm 2000 của UBND tỉnh Thái nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

- 10 -

Ph

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCS HẠ TẦNG NĂM 2000
THEO CHƯƠNG TRÌNH 135/T.TG

(Kèm theo quyết định số 4168/2000/ QĐ- UB ngày 09 tháng 05 năm 2000
của UBND tỉnh Thái nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Địa danh và tên công trình	Năng lực thiết kế	Kế hoạch năm 2000	Ghi chú
1	2	3	4
Tổng số		7 200	
I/ Huyện Đông hỷ		800	
1/ Xã Văn lã		400	
- Mở mới đường Tân lập 2 - Văn khánh	3 Km	400	
2/ Xã Tân long		400	
- Nâng cấp đường UBND xã - QL 1B	10 Km	400	
II/ Huyện Đình hoá		2 000	
1/ Xã Linh thông		400	
- Cầu trần Đồng cuống		150	
- Cầu cứng UBND xã		100	
- Cầu trần Bản Trang		100	
- S/c đường Đèo chón		50	
2/ Xã Quy kỳ		400	
- Cầu cứng Nà lặc		320	
- Xây 3 phòng học trường mầm non		80	
3/ Xã Bảo linh		400	
- Xây dựng trường PTCS xã	10 phòng học	400	
4/ Xã Tân thịnh		400	
- S/c nâng cấp đường liên xã	10 Km	400	
5/ Xã Lam vĩ		400	
- Xây dựng 3 trạm biến áp: Tam hợp, Văn la, Khai viêng		400	
III/ Huyện Võ nhai		4 400	

ph 98



1	2	3	4
1/ Xã Liên minh		400	
- XD trường TH cơ sở	10 phòng học	400	
2/ Xã Trảng xá		400	
- Nâng cấp đường La mọ - Đông bo	6 Km	400	
3/ Xã Dân tiến		400	
- XD trường PTCS	13 phòng học	300	
- XD cầu bản Thịnh khánh		100	
4/ Xã Bình long		400	
- XD trường THCS	10 phòng học	400	
5/ Xã Phương giao		400	
- XD tiếp đường đi xuất tác		400	Công trình chuyển tiếp
6/ Xã Thượng nung		400	
- XD tiếp đường liên xã TN - Sảng mọc		400	Công trình chuyển tiếp
7/ Xã Sảng mọc		400	
- XD tiếp đường S.mọc - Thượng nung		400	Công trình chuyển tiếp
8/ Xã Vũ chân		400	
- XD trường THCS	10 phòng học	400	
9/ Xã Thần sa		350	
- Trả nợ cầu treo Trung sơn		50	Trả nợ 99
- Nâng cấp đập Nà khù		200	
- Trạm bơm dầu Kim sơn		100	
10/ Xã Cúc đường		450	
- XD trường tiểu học Lam sơn	10 phòng học	250	
- S/c đường Cúc đường - Nước hai	3 Km	200	
11/ Xã Nghinh tường		400	
- XD nhà hiệu bộ trường THCS		150	
- Làm đường từ trường học - trạm xá		250	

BIỂU 1.



**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ KINH PHÍ
MỤC TIÊU PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC - CHỐNG MÙ CHỮ NĂM 2000**

(Kèm theo Quyết định số : *1168* / QĐ- UB , ngày *03* / *5* / 2000 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

đơn vị tính : triệu đồng

SỐ TT	TÊN HUYỆN , THÀNH , THỊ , MỞ LỚP	SỐ HỌC VIÊN HUY ĐỘNG	PHÂN BỐ KINH PHÍ		GHI CHÚ
			TỔNG KẾT 10 NĂM	CHI CHO GIÁO VIÊN+ DẦU ĐÈN	
1.	Võ Nhai	300	2	15	* Chi cho các huyện để tổng kết 10 năm và giáo viên = 80 triệu đồng.
2.	Đồng Hỷ	200	2	10	
3.	Phú Lương	200	2	10	
4.	Phú Bình	100	2	6	* Chi tại Sở để chỉ đạo , mua sách sau xoá mù = 20 triệu đồng
5.	Định Hoá	100	2	6	
6.	Phổ Yên	100	2	6	* Chi tại Sở để tổng kết 10 năm , khen thưởng = 50 triệu đồng
7.	Đại Từ	200	2	10	
8.	T. P Thái Nguyên	-	2	-	
9.	T.X Sông công	-	1	-	
	cộng		17	63	Tổng cộng = 150 triệu đồng

BIỂU 2.

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ KINH PHÍ
MỤC TIÊU TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG SƯ PHẠM VÀ BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN NĂM 2000

(Kèm theo Quyết định số : 1168 / QĐ - UB , ngày 09 / 5 / 2000 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính : triệu đồng

SỐ TT	TÊN TRƯỜNG- NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CHỈ TIÊU			GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
			XÂY LẬP+TB	XDCB #	
1	Trường cao đẳng sư phạm Thái Nguyên * Tăng cường CSVC - Hoàn chỉnh tiếp Nhà TV - GD - Thủ tục ĐTXD và XD hệ thống điện nguồn cao - hạ thế , cải tạo nhà học cũ thành nhà ký túc xá * Bồi dưỡng giáo viên dùng kinh phí chi thường xuyên	3.000	2.900	100	Sử dụng kinh phí MTCT. Sử dụng kinh phí trong kế hoạch được giao của trường để thực hiện phần XL, riêng thủ tục ĐTXD sử dụng kinh phí MTCT.

10
Bh

BIỂU 3.



KẾ HOẠCH PHÂN BỐ KINH PHÍ
MỤC TIÊU TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC MIỀN NÚI, VÙNG SÂU, HẢI ĐẢO NĂM 2000

(Kèm theo Quyết định số : *1168* / QĐ - UB , ngày *09 / 5* / 2000 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính : Triệu đồng

SỐ TT	TÊN TRƯỜNG- NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CHỈ TIÊU			GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
			XÂY LẬP	XDCB #	
1	Trường PTDT - NT Thái Nguyên	942	932	10	
	- Hoàn chỉnh tiếp nhà đa chức năng+ điện + nước	886	876	10	
	- Trả nợ khối lượng 1999 nhà ở tập thể giáo viên, nhà vệ sinh	10	10	-	
	- Thiết bị nội thất nhà đa chức năng	46	46	-	
2	Trường PTDT -NT Định hoá	358	354	4	
	- Trả nợ khối lượng 1999 , khối lượng phát sinh các hạng mục phụ trợ , điện, nước.	74	74	-	
	- Hoàn chỉnh tiếp nhà hiệu bộ	150	150	-	
	- Thủ tục ĐTXD và XD nhà ở tập thể giáo viên + bếp, cấp 4 , 8 gian, Dtxd = 287 m2	134	130	4	
	cộng 1+ 2 =	1.300	1.286	14	

BIỂU 4.

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ KINH PHÍ
MỤC TIÊU TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG HỌC NĂM 2000

(Kèm theo Quyết định số : 1168 / QĐ - UB , ngày 09 / 5 / 2000 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính : Triệu đồng

số T T	TÊN TRƯỜNG	PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG	CHỈ TIÊU			GHI CHÚ
			TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
					XÂY LẬP	XDCB #
1	Trả nợ khối lượng 1999		120,336	120,336	-	
	1, Mầm non 1-5 G. Thép	sửa chữa lớn	88,434	88,434	-	
	2, Cấp 1 Nha trang		2,202	2,202	-	
	3, Cấp 1 Tân thành		2,500	2,500	-	
	4, PTTH Võ nhai		27,200	27,200	-	
2	Hỗ trợ ĐTXD		350	350		
	1, Trung tâm GDTX tỉnh		150	150	-	
	2, PTTH L. Ngọc Quyển		200	200		
3	ĐTXD mới					
*	Chuẩn quốc gia		500	475	25	
	1, C1 Trung Lương,Đ .hoá	DT- TKKT, XD nhà hiệu bộ, c4,Sxd= 120m2	80	75	5	
	2, C1 Túc tranh, P. lương	DT- TKKT, XD nhà hiệu bộ, c4,Sxd= 120m2	80	75	5	
	3, C1Hùng sơn II, Đ. từ	Hỗ trợ XD nhà học 2 tầng 10 phòng học.	40	40	-	
	4, C1 TT Đình cả, Võ nhai	DT- TKKT, XD 3 phòng học c4, Sxd = 175 m2	90	85	5	
	5, C1Thượng đình, P.bình	DT- TKKT, XD 2 phòng học c4, Sxd = 120 m2	60	55	5	

6, C1 Trung thành, P. yên	DT- TKKT, XD nhà hiệu bộ, c4, Sxd= 120m2	80	75	5
7, C1 Cải đân, TX S. công	Hỗ trợ XD nhà hiệu bộ	70	70	-
* Tăng cường cơ sở vật chất		1.300	1.231	69
1, C1-2 Tân thịnh, Đ. hoá	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 170m2, 8 gian	105	100	5
2, C1-2 Linh thông, Đ hoá	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 159 m2, 6 gian	80	75	5
3, C2 T.T Chợ chu, Đ. hoá	DT- TKKT, XD nhà hiệu bộ, c4, Sxd= 120m2	80	75	5
4, C2 Yên lạc , P. lương	DT- TKKT, XD nhà hiệu bộ, c4, Sxd= 120m2	84	80	4
5, C2 Yên trạch , P. lương	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 159 m2, 6 gian	80	75	5
6, PTCS La bằng, Đ.từ	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 159 m2, 6 gian	90	85	5
7, PTCS Phú lạc, Đ. từ	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 159 m2, 6 gian	80	75	5
8, Mầm non Vạn thọ, Đ.từ	Hỗ trợ XD phòng học mới.	30	30	-
9, C1 Văn hán 2, Đ. hỷ	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 140 m2, 5 gian	70	65	5
10, Mầm non Liên cơ Chùa hang, Đ. hỷ	Hỗ trợ XD Nhà hiệu bộ mới.	56	56	-
11, C2 Tân khánh, P. bình	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 159 m2, 6 gian	85	80	5
12, C1 Thành công 3, P. yên	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 140 m2, 5 gian	70	65	5
13, Mầm non Hồng tiến, P yên	Hỗ trợ XD phòng học mới.	30	30	-
14, C1 Bình sơn, TXS. công	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 140 m2, 5 gian	70	65	5
15, PTCS Bình long I, V.nhai	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 159 m2, 6 gian	95	90	5
16, PTCS Đông bo, V. nhai	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 140 m2, 5 gian	75	70	5

32

4	17, PTCS Vũ chấn, V. nhai	DT-TKKT, XD Nhà Hiệu bộ, c4, Sxd =120m2	80	75	5	
	18, Mầm non 19-5, T.P.T.N.	Hỗ trợ sửa chữa nhà học	40	40	-	
	Dự phòng		79,664	-	79,664	
		cộng 1+2+3+4 =	2.350	2.176,336	173,664	

5/5
Chuyển & Bưu

ỦY BAN NHÂN DÂN
tỉnh Thái Nguyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

oOo

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 23H /CV-KH

V/v Giao kế hoạch đầu tư
đợt 2 năm 2000.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 4 năm 2000

P UBND TỈNH THÁI NGUYÊN	
THÊN	Số: 03/5/2000 Ngày: 03/5/2000 Chuyển: a/line

Kính gửi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ Quyết định số 123/1999/QĐ-UB ngày 29/12/1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2000.

- Căn cứ quyết định số: 1080/2000/QĐ-UB ngày 21/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên, về việc giao chỉ tiêu vốn các chương trình mục tiêu năm 2000.

Sau khi làm việc với các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, Thành phố, Thị xã, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh giao kế hoạch đầu tư và xây dựng đợt 2 năm 2000 gồm các nguồn vốn sau: (Có biểu chi tiết kèm theo).

1/ Vốn ngân sách Trung ương.

2/ Vốn chương trình mục tiêu.

3/ Vốn cấp quyền sử dụng đất.

4/ Vốn sự nghiệp kiến thiết có tính chất xây dựng cơ bản.

Đề nghị UBND xem xét quyết định để các đơn vị tổ chức thực hiện các bước tiếp theo.

Nơi nhận:

- Như trên.

- Lưu VT, TH

Hy

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYÊN



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, THÁI NGUYÊN

GIÁM ĐỐC

DƯƠNG VĂN HÀO

Handwritten signature of Dương Văn Hào.

1	2	3	4
7/ DA đường CM tháng 10 Sông công	99	20	UBND TX Sông công
8/ DA đường Đội cấn-Gốc gạo TPTN	2000	20	Sở GTVT
9/ DA nhà quản lý và lưới điện đảo Long hội	2000	15	Sở LĐT BXH
10/ DA trụ sở Sở LDTB và XH	2000	30	Sở LĐT BXH
11/ DA trụ sở Sở Văn hoá thông tin	2000	30	Sở VH TT
12/ DA cải tạo nhà làm việc Sở TCVG	2000	15	Sở TCVG
13/ DA thoát nước T. trấn Chợ chu Định hoá	2000	10	UBND Định hoá
14/ DA nhà làm việc Đài PTTH Võ Nhai	2000	5	UBND Võ Nhai
III. Chuẩn bị xây dựng.		130	
1/ Nhà điều dưỡng người có công tỉnh TN.	2000	50	Sở LĐT B-XH
2/ Hệ thống điện xã Phúc thuận Phổ yên	2000	50	UBND Phổ yên
3/ Hệ thống điện HTX Tân hương TPTN	2000	30	Sở Công nghiệp

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2000

Nguồn vốn: Ngân sách địa phương

Đơn vị: Triệu đồng

DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Thời gian K/công H/thành	Năng lực thiết kế	Kế hoạch đầu tư năm 2000			CHỦ ĐẦU TƯ
			Tổng số	Trong đó		
				XL	TB	
1	2	3	4	5	6	7
<u>Tổng số</u>			<u>250</u>	<u>230</u>		
T.T hỗ trợ DN tỉnh Thái Nguyên	2000	220m ²	250	230	-	T.T dịch vụ việc làm thanh niên tỉnh đoàn TN

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2000

NGUỒN VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Đơn vị tính: Triệu đồng

SS TT	Danh mục công trình	Kế hoạch năm 2000	Ghi chú
1	2	3	4
	<u>Tổng số</u>	<u>9 589</u>	
	<u>Thành phố Thái nguyên</u>	<u>8 010</u>	Trong đó năm 1999 chuyển sang: 4.510 trđ
I	<u>Trả nợ khối lượng năm 1999</u>	<u>376</u>	
1	XD nhà trẻ Bệnh viện đa khoa TN	138	
2	XD nhà vệ sinh UBND phường Quang Trung	4,5	
3	XD trung tâm xúc tiến việc làm	14,5	
4	Thoát nước khu dân cư Minh Cầu	12	
5	Kênh mương thuỷ lợi xã Phúc Trìu	60	
6	Đường ngầm giao thông xã Phúc Trìu	35	
7	Lát vỉa hè nội thị Thành phố	4	
8	Sân, hàng rào, nhà vệ sinh P. Cam Giá	47	
9	Sân, hàng rào, nhà vệ sinh xã Phúc Hà	40	
10	Nhà vệ sinh phòng văn hoá Thành phố	21	
II	<u>Công trình chuyển tiếp</u>	<u>2 650</u>	
1	XD bể bơi nhà Thiếu nhi Thành phố	1 500	
2	San gạt, đèn bù Nghĩa trang khu nam	70	
3	Xây dựng, đèn bù vườn hoa Sông Cầu	525	
4	XD đường khu dân cư nam Đại học Sư Phạm	500	
5	Dự án, thiết kế đường khu nhà văn hoá thiếu nhi	10	
6	Dự án XD trung tâm y tế	10	
7	Dự án XD quy hoạch TT giáo dục	10	
8	XD nhà hội trường khối dân	25	
III	<u>Công trình xây dựng mới</u>	<u>4 437</u>	

1	2	3	4
1	Lát vỉa hè nội thị Thành phố	100	
2	Dự án, thiết kế, đền bù đài truyền thanh TP	200	
3	Đền bù và xây dựng hạ tầng	1 500	
	+ Đền bù đất quy hoạch khu dân cư	800	
	+ XD hạ tầng khu dân cư	700	
4	Dự án, TK, XD trụ sở UBND xã Phúc Trìu	400	
5	Dự án, TK, XD trụ sở UBND xã Thịnh Đức	250	
6	Dự án, TK, XD trụ sở UBND xã Tân Thịnh	250	
7	Dự án, TK, XD nhà làm việc Cty Quản lý	40	
	Đô thị		
8	Dự án quy hoạch khu TTCN tập trung	27	
9	Mua cống giao thông cấp cho phường xã	120	
10	Dự án, TK, XD trụ sở UBND xã Thịnh Đán	250	
11	Vốn còn lại sẽ giao cụ thể sau	1 300	
IV	<u>Sự nghiệp đất</u>		
	<u>Chuyển tiếp</u>	<u>574</u>	
1	Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất	123	
2	Quy hoạch chi tiết đường Đán	164	
3	Quy hoạch chi tiết khu Quán Triều	60	
	<u>Công trình mới</u>		
1	Quy hoạch cấp đất dân cư và thiết kế	200	
	dự toán hạ tầng khu dân cư		
	<u>Thị xã Sông Công</u>	<u>146</u>	
1	Đền bù giải phóng mặt bằng	70	
2	Trả nợ trạm biến áp Mỏ chè	27	
3	Trả nợ trạm biến áp Cải Đan	10	
4	Hoàn thiện, bố vỉa rãnh thoát nước	39	
	đường CM T8		
	<u>Huyện Phú bình</u>	<u>75</u>	Bố trí công trình sau
	<u>Huyện Phổ Yên</u>	<u>247</u>	T.đó có 100 trđ năm 1999

1	2	3	4
			chuyển sang
1	Đường thị trấn Ba Hàng - Ga	47	
2	Hội trường UBND xã Nam Tiến	35	
3	Hội trường UBND xã Tân Phú	50	
4	Hội trường UBND xã Tân Hương	50	
5	Hội trường UBND xã Thành Công	35	
6	Chợ thị trấn Bắc Sơn	30	
	<u>Huyện Đình Hoá:</u>	<u>135</u>	T.đó có 85,0 trđ năm 1999
			chuyển sang
1	Trả nợ đường Dốc Châu - Đài liệt sĩ	135	
	<u>Huyện Phú Lương</u>	<u>140</u>	
1	XD trụ sở UBND xã Phấn Mễ	70	
2	XD trụ sở UBND xã Tức tranh	70	
	<u>Huyện Võ Nhai</u>	<u>170</u>	T.đó có 65,0 trđ năm 1999
			chuyển sang
1	Trả nợ đền bù quy hoạch khu dân cư	50	
2	Chợ Đình cả	120	
	<u>Huyện Đại Từ</u>	<u>290</u>	T.đó có 150 trđ năm 1999
			chuyển sang
1	XD trụ sở UBND xã Ký Phú	100	
2	XD trụ sở UBND xã Tân Thái	100	
3	XD trụ sở UBND xã Hoàng nông	90	
	<u>Huyện Đông Hy</u>	<u>376</u>	T.đó có 270 trđ năm 1999
			chuyển sang
1	Nâng cấp đường 1B - đường 359 nội thị	50	
2	Trả nợ QH khu VH - T.T thị trấn chùa Hang	32	
3	CBĐT cầu cáp xã Cao Ngạn	20	
4	TKKT XD nghĩa trang xã Linh Sơn	17	
5	Thoát nước khu vực 2 - 3 T.T chùa Hang	25	
6	Hỗ trợ trường học cao tầng xã Hoá thượng, Đồng bầm, Chiến thắng	32	
7	Nhà bảo vệ sức khoẻ bệnh viện huyện	200	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2000**NGUỒN VỐN: SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT KINH TẾ**

Đơn vị tính: Triệu đồng

SS TT	Danh mục công trình	Kế hoạch năm 2000	Ghi chú
	2	3	4
	<u>Tổng số</u>	<u>4 795</u>	
	<u>Thành phố Thái nguyên</u>	<u>1 512</u>	
I	<u>Công trình chuyển tiếp</u>	<u>396</u>	
1	Sửa chữa nhà làm việc đội thanh tra XD	10	
2	Sửa chữa nhà bảo vệ sức khỏe y tế	12	
3	XD sân Beton nhà văn hoá Tp	7	
4	Kênh hồ cây Sy xã Phúc Xuân	30	
5	S/c nhà làm việc hạt kiểm lâm	55	
6	San gạt khu nhà thi đấu thiếu nhi Thành phố	30	
7	Dự án quy hoạch chợ Dốc hanh	10	
8	Cải tạo hội trường Thành Ủy	4	
9	Đường vào Trường Trung học Kinh tế	55	
10	Đường vào Trường Cao Đẳng Sư phạm	22	
11	Đường vào Trường Đại học Công nghiệp	51	
12	Đường vào Trường Trung học Y tế	30	
II	<u>Công trình xây dựng mới</u>	<u>1 116</u>	
1	Hỗ trợ chuẩn bị đầu tư thuỷ lợi	200	
2	Đường tổ 5 phường Phan Đình Phùng	85	
3	Đường Đại học Sư Phạm - Đê mở bạch	226	
4	S/c nhà làm việc phòng Thương nghiệp	50	
5	S/c nhà công chứng Thành phố	30	
6	S/c nhà trụ sở Thành uỷ	50	
7	Lắp đặt, di chuyển điện sáng Thành phố	300	
8	S/c nhà gara xe phòng địa chính	15	
9	XD nhà trạm y tế phường Quang Vinh	50	

1	2	3	4
10	Sân, nhà xe khối dân	30	
11	S/c nhà làm việc UBND Thành phố	30	
12	San nền, điện sáng nhà thiếu nhi Thành phố	50	
	<u>Thị xã Sông Công</u>	<u>462</u>	
1	Rãnh thoát nước đường CM T8	62	
2	Nhà khách văn phòng Thị uỷ	100	
3	Hàng rào Sân vận động Thị xã	50	
4	Bể bơi khu vui chơi thiếu nhi Thị xã	100	
5	Thuy lợi nhỏ	20	
6	Chuẩn bị đầu tư	30	
7	Sửa chữa, kiến thiết thị chính	100	
	<u>Huyện Phú Bình</u>	<u>430</u>	
1	Duy tu, sửa chữa đường Bảo lý - Tân khánh	40	
2	Hạ dốc làng Dân tuyến Úc Sơn - Tân thành	30	
3	Trả nợ máy bơm trạm cầu Bo + Đồng cỏ xã	17	
	Đồng liên		
4	Trả nợ máy bơm dầu xã Bảo lý	10	
5	Trả nợ máy bơm điện xã Úc kỳ	10	
6	Đập quyết tiến xã Tân kim	10	
7	Hồ rừng Giặc xã Tân thành	10	
8	Hồ núi Thông xã bảo lý	15	
9	Dự phòng cho S/c nhỏ thuy lợi	11	
10	Hỗ trợ xây dựng trụ sở xã Tân Đức	70	
11	Hỗ trợ xây dựng trụ sở xã Kha Sơn	60	
12	Hỗ trợ xây dựng trụ sở T.T Úc Sơn	70	
13	S/c các công trình khác	37	
14	Dự phòng bão lụt	10	
15	Chuẩn bị đầu tư	30	
	<u>Huyện Phổ Yên</u>	<u>250</u>	
1	Cầu Máng xã Đắc Sơn	33	
2	Sửa chữa phòng ban cơ quan huyện	70	
3	Hội trường UBND huyện	147	

1	2	3	4
	<u>Huyện Đình Hoá</u>	<u>465</u>	
1	Đường tràn suối Ngừ - Bảo cường	100	
2	Trả nợ nâng cấp phòng họp UBND huyện	100	
3	Trả nợ xây tường rào UBND huyện	84	
4	Cống thoát nước ngã 4 UBND huyện	33	
5	Trụ sở UBND xã Bình yên	50	
6	Trụ sở UBND xã Tân dương	58	
7	Chuẩn bị đầu tư các dự án	40	
	<u>Huyện Phú Lương</u>	<u>445</u>	
1	Sửa chữa giao thông nông thôn	120	
2	Đường vào huyện đội	80	
3	XD hàng rào công an huyện	40	
4	Đền bù khu lương thực	80	
5	Hỗ trợ san nền chợ Yên lạc	20	
6	Hỗ trợ mái lợp cho lớp học	60	
7	Hỗ trợ sửa chữa chợ Thị trấn	20	
8	Chuẩn bị đầu tư	25	
	<u>Huyện Đông Hỷ</u>	<u>357</u>	
1	Trụ sở UBND xã Quang Sơn	50	
2	Trụ sở UBND Thị trấn chùa Hang	30	
3	Sự nghiệp thủy lợi	100	
4	Sự nghiệp giao thông nông thôn (S/c nhỏ)	100	
5	Hỗ trợ ngôi nhà trường học	60	
6	Dự phòng chống bão lụt và sửa chữa nhỏ	17	
	<u>Huyện Đại Từ</u>	<u>412</u>	
1	Sự nghiệp giao thông nông thôn	60	
2	Sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ	70	
3	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	282	
	<u>Huyện Võ Nhai</u>	<u>462</u>	
1	Trả nợ và đảm bảo giao thông	257	
2	Đền bù mặt bằng trợ và bãi rác	60	
3	Trả nợ TKQH khu cơ quan huyện	9	
4	Kiến thiết thị chính	136	

22

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCS HẠ TẦNG NĂM 2000
THEO CHƯƠNG TRÌNH 135/T.TG

Đơn vị tính: Triệu đồng

Địa danh và tên công trình	Năng lực thiết kế	Kế hoạch năm 2000	Ghi chú
1	2	3	4
<u>Tổng số</u>		<u>7 200</u>	
<u>I/ Huyện Đông hy</u>		<u>800</u>	
1/ Xã Văn lã		400	
- Mở mới đường Tân lập 2 - Văn khánh	3 Km	400	
2/ Xã Tân long		400	
- Nâng cấp đường UBND xã - QL 1B	10 Km	400	
<u>II/ Huyện Đình hoá</u>		<u>2 000</u>	
1/ Xã Linh thông		400	
- Cầu trần Đồng cuống		150	
- Cầu cứng UBND xã		100	
- Cầu trần Bản Trang		100	
- S/c đường Đèo chón		50	
2/ Xã Quy kỳ		400	
- Cầu cứng Nà lặc		320	
- Xây 3 phòng học trường mầm non		80	
3/ Xã Bảo linh		400	
- Xây dựng trường PTCS xã	10 phòng học	400	
4/ Xã Tân thịnh		400	
- S/c nâng cấp đường liên xã	10 Km	400	
5/ Xã Lam vĩ		400	
- Xây dựng 3 trạm biến áp: Tam hợp, Văn la, Khau viêng		400	
<u>III/ Huyện Võ nhai</u>		<u>4 400</u>	

1	2	3	4
1/ Xã Liên minh		400	
- XD trường TH cơ sở	10 phòng học	400	
2/ Xã Trảng xá		400	
- Nâng cấp đường La mọ - Đông bo	6 Km	400	
3/ Xã Dân tiến		400	
- XD trường PTCS	13 phòng học	300	
- XD cầu bản Thịnh khánh		100	
4/ Xã Bình long		400	
- XD trường THCS	10 phòng học	400	
5/ Xã Phương giao		400	
- XD tiếp đường đi xuất tác		400	Công trình chuyển tiếp
6/ Xã Thượng nung		400	
- XD tiếp đường liên xã TN - Sảng mọc		400	Công trình chuyển tiếp
7/ Xã Sảng mọc		400	
- XD tiếp đường S.mọc - Thượng nung		400	Công trình chuyển tiếp
8/ Xã Vũ chân		400	
- XD trường THCS	10 phòng học	400	
9/ Xã Thân sa		350	
- Trả nợ cầu treo Trung sơn		50	Trả nợ 99
- Nâng cấp đập Nà khù		200	
- Trạm bơm dầu Kim sơn		100	
10/ Xã Cúc đường		450	
- XD trường tiểu học Lam sơn	10 phòng học	250	
- S/c đường Cúc đường - Nước hai	3 Km	200	
11/ Xã Nghinh tường		400	
- XD nhà hiệu bộ trường THCS		150	
- Làm đường từ trường học - trạm xá		250	

BIỂU 1.**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ KINH PHÍ
MỤC TIÊU PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC - CHỐNG MÙ CHỮ NĂM 2000**

đơn vị tính : triệu đồng

SỐ TT	TÊN HUYỆN, THÀNH, THỊ, MỎ LỚP	SỐ HỌC VIÊN HUY ĐỘNG	PHÂN BỐ KINH PHÍ		GHI CHÚ
			TỔNG KẾT 10 NĂM	CHI CHO GIÁO VIÊN+ DẦU ĐÈN	
1.	Võ Nhai	300	2	15	* Chi cho các huyện để tổng kết 10 năm và giáo viên = 80 triệu đồng.
2.	Đồng Hỷ	200	2	10	
3.	Phú Lương	200	2	10	
4.	Phú Bình	100	2	6	* Chi tại Sở để chỉ đạo , mua sách sau xoá mù = 20 triệu đồng
5.	Định Hoá	100	2	6	
6.	Phổ Yên	100	2	6	* Chi tại Sở để tổng kết 10 năm , khen thưởng = 50 triệu đồng
7.	Đại Từ	200	2	10	
8.	T. P Thái Nguyên	-	2	-	
9.	T.X Sông công	-	1	-	
	cộng		17	63	Tổng cộng = 150 triệu đồng

26

BIỂU 2.

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ KINH PHÍ
MỤC TIÊU TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG SƯ PHẠM VÀ BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN NĂM 2000

Đơn vị tính : triệu đồng

SỐ TT	TÊN TRƯỜNG- NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CHỈ TIÊU			GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
			XÂY LẮP+TB	XDCB #	
1	Trường cao đẳng sư phạm Thái Nguyên * Tăng cường CSVC - Hoàn chỉnh tiếp Nhà TV - GD .. - Thủ tục ĐTXD và XD hệ thống điện nguồn cao - hạ thế , cải tạo nhà học cũ thành nhà ký túc xá * Bồi dưỡng giáo viên dùng kinh phí chi thường xuyên	3.000	2.900	100	Sử dụng kinh phí MTCT. Sử dụng kinh phí trong kế hoạch được giao của trường để thực hiện phần XL, riêng thủ tục ĐTXD sử dụng kinh phí MTCT.

BIỂU 3.

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ KINH PHÍ
MỤC TIÊU TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC MIỀN NÚI, VÙNG SÂU, HẢI ĐẢO NĂM 2000**

Đơn vị tính : Triệu đồng

SỐ TT	TÊN TRƯỜNG- NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CHỈ TIÊU			GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
			XÂY LẬP	XDCB #	
1	Trường PTDT - NT Thái Nguyên	942	932	10	
	- Hoàn chỉnh tiếp nhà đa chức năng+ điện + nước	886	876	10	
	- Trả nợ khối lượng 1999 nhà ở tập thể giáo viên, nhà vệ sinh	10	10	-	
	- Thiết bị nội thất nhà đa chức năng	46	46	-	
2	Trường PTDT -NT Định hoá	358	354	4	
	- Trả nợ khối lượng 1999 , khối lượng phát sinh các hạng mục phụ trợ , điện, nước.	74	74	-	
	- Hoàn chỉnh tiếp nhà hiệu bộ	150	150	-	
	- Thủ tục ĐTXD và XD nhà ở tập thể giáo viên + bếp, cấp 4 , 8 gian, Dtxd = 287 m2	134	130	4	
	cộng 1+ 2 =	1.300	1.286	14	

BIỂU 4.

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ KINH PHÍ
MỤC TIÊU TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG HỌC NĂM 2000

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: triệu đồng

số T T	TÊN TRƯỜNG	PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG	CHỈ TIÊU			GHI CHÚ
			TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
				XÂY LẬP	XDCB #	
1	Trả nợ khối lượng 1999		120,336	120,336	-	
	1, Mầm non 1-5 G. Thép	sửa chữa lớn	88,434	88,434	-	
	2, Cấp 1 Nha trang		2,202	2,202	-	
	3, Cấp 1 Tân thành		2,500	2,500	-	
	4, PTTH Võ nhai		27,200	27,200	-	
2	Hỗ trợ ĐTXD		350	350		
	1, Trung tâm GDTX tỉnh		150	150	-	
	2, PTTH L Ngọc Quyển		200	200		
3	ĐTXD mới					
*	Chuẩn quốc gia		500	475	25	
	1, C1 Trung Lương,Đ .hoá	DT- TKKT, XD nhà hiệu bộ, c4,Sxd= 120m2	80	75	5	
	2, C1 Túc tranh, P. lương	DT- TKKT, XD nhà hiệu bộ, c4,Sxd= 120m2	80	75	5	
	3, C1Hùng sơn II, Đ. từ	Hỗ trợ XD nhà học 2 tầng 10 phòng học.	40	40	-	
	4, C1 TT Đình cả, Võ nhai	DT- TKKT, XD 3 phòng học c4, Sxd = 175 m2	90	85	5	
	5, C1Thượng đình, P.bình	DT- TKKT, XD 2 phòng học c4, Sxd = 120 m2	60	55	5	

*	6, C1 Trung thành, P. yên	DT- TKKT, XD nhà hiệu bộ, c4, Sxd= 120m2	80	75	5
	7, C1 Cải đàn, TX S. công	Hỗ trợ XD nhà hiệu bộ	70	70	-
	Tăng cường cơ sở vật chất		1.300	1.231	69
	1, C1-2 Tân thịnh, Đ. hoá	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 170m2, 8 gian	105	100	5
	2, C1-2 Linh thông, Đ hoá	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 159 m2, 6 gian	80	75	5
	3, C2 T.T Chợ chu, Đ. hoá	DT- TKKT, XD nhà hiệu bộ, c4, Sxd= 120m2	80	75	5
	4, C2 Yên lạc , P. lương	DT- TKKT, XD nhà hiệu bộ, c4, Sxd= 120m2	84	80	4
	5, C2 Yên trạch , P. lương	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 159 m2, 6 gian	80	75	5
	6, PTCS La bằng, Đ. từ	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 159 m2, 6 gian	90	85	5
	7, PTCS Phú lạc, Đ. từ	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 159 m2, 6 gian	80	75	5
	8, Mầm non Vạn thọ, Đ. từ	Hỗ trợ XD phòng học mới.	30	30	-
	9, C1 Văn hán 2, Đ. hỷ	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 140 m2, 5 gian	70	65	5
	10, Mầm non Liên cơ Chùa hang, Đ. hỷ	Hỗ trợ XD Nhà hiệu bộ mới.	56	56	-
	11, C2 Tân khánh, P, bình	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 159 m2, 6 gian	85	80	5
	12, C1 Thành công 3, P. yên	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 140 m2, 5 gian	70	65	5
	13, Mầm non Hồng tiến, P yên	Hỗ trợ XD phòng học mới.	30	30	-
	14, C1 Bình sơn, TXS. công	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 140 m2, 5 gian	70	65	5
	15, PTCS Bình long I, V. nhai	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 159 m2, 6 gian	95	90	5
	16, PTCS Đông bo, V. nhai	DT-TKKT, XDNhà ở tập thể g/ v c4, Sxd = 140 m2, 5 gian	75	70	5

4	17, PTCS Vũ chấn, V. nhai	DT-TKKT, XD Nhà Hiệu bộ, c4, Sxd =120m2	80	75	5	
	18, Mầm non 19-5, T.P.T.N.	Hỗ trợ sửa chữa nhà học	40	40	-	
	Dự phòng		79,664	-	79,664	
		cộng 1+2+3+4 =	2.350	2.176,336	173,664	